

Một số vấn đề đặt ra cần suy nghĩ qua sự khảo sát môi trường lao động đối với nữ công nhân

ĐÀO THU HẰNG

1. Mở đầu

Người lao động là yếu tố cơ bản của lực lượng sản xuất xã hội. Phụ nữ chiếm 1/2 dân số xã hội và là một lực lượng lao động hết sức quan trọng. Trong tổng số lao động làm việc trong các ngành kết cấu của nền kinh tế quốc dân, phụ nữ chiếm gần 52% còn trong lĩnh vực phi kết cấu phụ nữ chiếm khoảng 70%. Trong công nghiệp lao động nữ chiếm khoảng 43%, gần 1/3 phụ nữ đã tham gia các cơ quan quản lý nhà nước, còn trong nghiên cứu khoa học phụ nữ cũng chiếm tới 37,5%.

Vì vậy, khi bàn về nguồn nhân lực, không thể không nói đến người lao động nữ, với những ưu điểm và nhược điểm của họ. Một số vấn đề ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động nữ đó là môi trường lao động bao gồm các yếu tố tự nhiên như điều kiện lao động, trang thiết bị bảo hộ lao động, các yếu tố vi khí hậu, tiếng ồn nơi sản xuất,... còn các yếu tố xã hội là: cách tiến hành sản xuất, các quan hệ xã hội của công nhân trong sản xuất.

2. Điều kiện lao động của nữ công nhân hiện nay trong ba ngành:

Những năm qua, ở nước ta, nguồn lao động xã hội tăng cùng với tỷ lệ tăng dân số nhanh, mỗi năm tăng thêm gần 1 triệu lao động, trong đó hơn 50% là nữ. Nhất là trong ba ngành được khảo sát thì số lượng lao động nữ lên đến 60% - 70% số lượng lao động.

Công cuộc Đổi mới của đất nước ta đã tạo ra nhiều cơ hội cho lao động nữ tham gia vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Hầu hết phụ nữ đều được tham gia lao động xã hội. Cách mạng đã từng bước xóa bỏ sự bất bình đẳng xã hội giữa nam và nữ. Mặt khác, những chuẩn mực mới về tôn trọng phụ nữ, sự chia sẻ công việc gia đình giữa vợ và chồng đã trở thành một lẽ sống. Vị trí người phụ nữ trong gia đình cũng đã được thay đổi. Người nữ công nhân ngoài nghĩa vụ là người trực tiếp sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội, còn có nghĩa vụ làm tròn chức năng làm mẹ, làm vợ của mình trong gia đình.

Nói chung, sự tham gia nội trợ của nam giới trong gia đình cũng mới chỉ ở một phạm vi hạn chế. Không ít người chồng vẫn thờ ơ, chia mọi việc cho vợ. Như vậy trong các công việc gia đình, nhất là trong việc thực hiện nội trợ, thì người phụ nữ còn vất vả nhiều lắm.

Bảng 1: Quỹ thời gian của 1 ngày như sau

| Các loại hoạt động | Ngày thường | | Ngày nghỉ | |
|---|-------------|------------|------------|------------|
| | Nam | Nữ | Nam | Nữ |
| - Thời gian lao động sản xuất | 7g53p | 7g48p | 0 | 0 |
| - Thời gian sinh hoạt cần thiết ngoài sản xuất. | 14,10 | 15,07 | 8g05p | 19g12p |
| + Thỏa mãn nhu cầu sinh học (ăn, ngủ, tắm,...) | 9,57 | 9,39 | 11,22 | 11,10 |
| + Phục vụ sinh hoạt (nấu ăn, đi chợ, chăm sóc con,...) | 1,53 | 3,25 | 3,09 | 5,58 |
| + Học tập, công tác xã hội, dạy con,...) | 0,50 | 0,24 | 3,34 | 2,04 |
| + Đi về cơ quan | 1,12 | 1,06 | 0 | 0 |
| - Thời gian rỗi (nghỉ tự do, đọc sách báo, xem TV, nghe đài...) | 1,29 | 1,05 | 3,00 | 2,08 |
| - Chi phí thời gian không phân bổ. | 0,28 | 0,00 | 2,55 | 2,40 |
| Cộng | 24g | 24g | 24g | 24g |

Qua đó thấy được quỹ thời gian của người nữ công nhân rất căng thẳng. Thời gian lao động sản xuất của nữ công nhân bị ảnh hưởng nhiều yếu tố. Ngược lại thời gian lao động sản xuất của nữ công nhân cũng có ảnh hưởng rất lớn đến sinh hoạt của gia đình họ.

Nói chung, sự sinh hoạt gia đình của nữ công nhân đã buộc những thành viên trong gia đình phải sinh hoạt phụ thuộc vào thời gian lao động sản xuất của họ. Nhất là trong gia đình của những

người nữ công nhân thuộc ngành dệt, là ngành có thời gian lao động sản xuất liên tục, nữ công nhân phải đi làm 3 ca. Công nhân đứng máy dệt phải đứng liên tục suốt 1/2 ca làm việc của mình, chỉ được nghỉ thời gian giữa ca để ăn, uống giải quyết vệ sinh cá nhân.

Những nữ công nhân làm việc trong ca sáng (từ 6 giờ sáng đến 2 giờ chiều) và những nữ công nhân làm việc trong ca chiều (từ 2 giờ chiều đến 10 giờ đêm). Sau 1 ngày lao động ở nhà máy về, họ còn phải thực hiện công việc nội trợ ở gia đình bao gồm các việc như nấu ăn, giặt giũ quần áo, tắm rửa và chăm sóc con cái, chợ búa, thu dọn nhà cửa, v.v... Đó là những việc "không tên", nhưng khá vất vả, nặng nề. Những nữ công nhân làm việc vào ca đêm (từ 10 giờ đêm đến 6 giờ sáng) lại càng vất vả hơn.

Gánh nặng công việc gia đình dồn lên vai người phụ nữ không những ảnh hưởng lớn đến lao động sản xuất, còn làm cho người phụ nữ khó an tâm, tập trung tinh thần, sức lực cho công việc ở nơi công tác.

Thời gian lao động sản xuất đối với nữ công nhân ngành vệ sinh môi trường và ngành xây dựng có phần nào đỡ khó khăn hơn. Thời gian lao động đối với nữ công nhân ngành vệ sinh môi trường đã có nhiều thuận lợi hơn cho sinh hoạt gia đình của nữ công nhân. Đại bộ phận nữ công nhân thích làm việc với thời gian lao động là buổi tối vì ban ngày họ có thể có thời gian chăm lo nhiều hơn tới gia đình.

Qua khảo sát thời gian lao động của nữ công nhân trong 3 ngành xây dựng, dệt và vệ sinh môi trường, chúng tôi thấy nữ công nhân chưa được ưu đãi về thời gian lao động. Trong bộ luật lao động Việt Nam có một số qui định đối với lao động nữ: "Người lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút. Trong thời gian nuôi con dưới 12 tháng tuổi mỗi ngày được nghỉ 60 phút trong thời gian làm việc mà vẫn được hưởng đủ lương". Cần có những chính sách quy định cụ thể về thời gian lao động, thí dụ như có chế độ được dành ra một thời gian nhất định được tính trong thời gian lao động xã hội để nghỉ ngơi hợp lý trong thời gian người phụ nữ sinh nở và chăm sóc con nhỏ, dành ra một thời gian nhất định được tính trong thời gian lao động xã hội để họ có thể thực hiện được công việc gia đình.

Vì vậy, chúng ta cần nghiên cứu áp dụng các hình thức tổ chức làm việc linh hoạt hơn đảm bảo cho người phụ nữ vừa nuôi con nhỏ vừa có điều kiện thuận lợi để có thể làm việc tập trung, năng suất cao hơn.

Trong lao động sản xuất, vấn đề bảo hiểm lao động rất quan trọng, bảo hiểm lao động giúp cho người lao động thao tác chính xác hơn, hiệu quả hơn. Bảo hiểm lao động còn trực tiếp bảo vệ sức khỏe cho người lao động.

Bảng 2: Các thông số môi trường lao động tại các điểm điều tra

| | <i>Tiêu chuẩn cho phép</i> | <i>Công nhân dệt</i> | <i>Bê tông Vĩnh Tuy</i> | <i>Xí nghiệp môi trường</i> | <i>Gạch xây dựng</i> |
|---------------------------|--------------------------------|--------------------------|-----------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Nhiệt độ (C) | 30 | 29,7 | 36,4 | 33,4 | 34-45 |
| Độ ẩm (%) | 80 | 70 | 70 | 78,8 | 60 |
| Tốc độ gió(m/s) | 1,5 | 0,6 | - | 1,2 | 0,9 |
| Tiếng ồn (dBA) | 90 | 97 | 91 | - | 88 |
| Bụi (mg/cm ³) | 2 | 13,5 | 12,4 | 14,7 | 35,7 |
| khí co ₂ | 1,0 | 1,2 | 1,03 | - | 1,6 |
| Khí so ₂ | 0,01 | - | - | 0,027 | 0,018 |

Đến các công trường, xí nghiệp, nhà máy mấy năm gần đây ít ai thấy các khẩu hiệu "an toàn để sản xuất", "sản xuất phải an toàn" nữa. Cùng với nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường, phía quản lý nhà nước dường như phó mặc vấn đề này cho cơ sở. Còn về phía xí nghiệp, cơ quan sử dụng người lao động cũng có nhiều biểu hiện coi trọng lợi nhuận mà coi thường tính mạng, sức khỏe của công nhân.

Trên thực tế, hệ thống tổ chức về bảo hiểm lao động trong các ngành quản lý sản xuất hầu hết bị giải thể hoặc chỉ còn một cán bộ kiêm nhiệm, do đó việc đôn đốc hướng dẫn và kiểm tra về kỹ thuật an toàn và bảo hiểm lao động trong các ngành này hầu như bị tê liệt. Công tác thanh tra,

kiểm tra việc thực hiện bảo hiểm lao động đối với các cơ sở vốn đã yếu nay lại thả nổi, hoặc đánh bắt lợc.

Về điều kiện lao động, có thể nói ở rất nhiều nơi là đáng lo ngại, như nhà xưởng, máy móc thiết bị đã quá cũ kĩ, không đảm bảo tiêu chuẩn an , vệ sinh lao động.

Qua điều tra khảo sát về điều kiện lao động của nữ công nhân, nhất là đối với nữ công nhân trong ngành dệt thì điều kiện lao động có đặc thù riêng: nóng bức, bụi bặm, thiếu ánh sáng, tiếng ồn cao, Tiếp xúc với độ cao vượt tiêu chuẩn quy định. Nhiều căn bệnh nghề nghiệp phát sinh như sụt cân, đau đầu, điếc, bụi phổi...

Nữ công nhân ở ngành xây dựng lao động trong điều kiện khắc nghiệt về khí hậu, môi trường, công việc.

Nữ công nhân đại bộ phận là lao động phổ thông thô sơ, nặng nhọc. Trong cơ chế thị trường, về mặt lao động tất yếu hình thành và phát triển thị trường lao động. Trong thị trường lao động, người lao động có việc làm hoặc thất nghiệp là do quan hệ cung - cầu lao động chi phối. Trong điều kiện nước ta cung lớn hơn cầu về mặt lao động bao giờ cũng yếu thế hơn người sử dụng lao động. Đến lượt mình người lao động phải chấp nhận cạnh tranh trên thị trường lao động. Trong cuộc cạnh tranh này người lao động nữ bao giờ cũng yếu thế và bất lợi hơn nam giới.

Những người nữ công nhân có hoàn cảnh gia đình gia đình khó khăn về kinh tế, mặc dù họ biết không trang bị tốt bảo hiểm lao động sẽ có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe bản thân, nhưng họ cứ nhắm mắt làm ngơ chỉ mong sao kiếm được thêm tiền cho gia đình chồng, con.

Do điều kiện lao động xấu làm cho sức khỏe của phụ nữ giảm nhanh hơn nam, họ sớm phải ra khỏi dây chuyền sản xuất vì mất sức, bị sụt cân phổ biến và bệnh nghề nghiệp cao. Ở nhà máy dệt 8/3 có đến 30% công nhân mắc bệnh nghề nghiệp. Tỷ lệ mắc bệnh nghề nghiệp phụ thuộc vào thời gian công tác trong ngành. Dưới 30 tuổi chỉ có 15,4% người mắc, nhưng lên đến 40 tuổi tỷ lệ này đã tăng gấp đôi.

Đối với chị em thu gom rác có 30% chị em mắc bệnh tai mũi họng, hơn 40% mắc bệnh răng hàm mặt, 30% mắc các bệnh về mắt và trên 20% mắc bệnh da liễu. Trong số 23 nữ công nhân làm việc thu gom phân từ hố xí thùng có 12 chị mắc bệnh tai mũi họng, 12 chị mắc các bệnh răng hàm mặt và 13 chị mắc bệnh mắt (số liệu báo cáo của công ty môi trường đô thị Hà Nội).

Đặc biệt những người đã làm 20 năm trong nghề có tỷ lệ nghỉ ốm cao nhất 50,5% . Theo số liệu của một cuộc khảo sát khác cho thấy, tỷ lệ động thai của người công nhân làm đường là 18,5%; Sảy thai là 16,95 cao hơn chị em làm nông nghiệp rất nhiều.

Bảng 3: Trình độ học vấn của nữ công nhân (% trên từng xí nghiệp)

| | <i>Dệt 8/3</i> | <i>Dệt 19/5</i> | <i>Gạch Vãn</i> <i>Điển</i> | <i>Xí nghiệp Môi</i> <i>trường</i> | <i>Chung</i> |
|---------|----------------|-----------------|--------------------------------|---------------------------------------|--------------|
| Cấp I | 1,0 | 0,5 | 26,7 | 8,4 | 5,6 |
| Cấp II | 42,3 | 48,3 | 68,3 | 57,6 | 54,6 |
| Cấp III | 56,7 | 51,2 | 5,0 | 34,0 | 29,8 |

Có một thực tế đáng phải suy nghĩ: vì trình độ học vấn nên tỷ lệ lao động trực tiếp lại rơi vào nữ nhiều hơn nam giới, cộng thêm với gánh nặng gia đình, phần đông chị em sớm phải "giã từ" công việc ở độ tuổi đã tích lũy được kinh nghiệm nghề nghiệp (độ tuổi 40 - 50). Ở ngành dệt, chỉ khoảng ngoài 40 tuổi là chị em không thể đứng trong dây chuyền sản xuất được. Theo công đoàn Bộ Công nghiệp nhẹ, ở Nhà máy Dệt 8/3 và Xí nghiệp Liên hiệp dệt Nam Định chỉ có 16 - 20% chị em về hưu đúng tuổi, còn lại là về hưu non và mất sức.

Nhiều chị em sợ mất việc làm, thu nhập kém, ... đã giấu bệnh tật để tiếp tục làm việc. Đa số nữ công nhân kiên trì theo đuổi nghề của mình là do muốn có việc làm, muốn có thu nhập, muốn về nghỉ có chế độ, mất sức hoặc về hưu, và phần lớn các ý kiến của nữ công nhân đều cho rằng họ cũng không biết làm gì hơn ngoài nghề họ đang làm.

Mạng lưới y tế ở nhiều cơ sở không có, chế độ bồi dưỡng độc hại không có, thiếu đồ bảo hiểm lao động đó là những nguyên nhân không nhỏ cộng với điều kiện lao động thực tế ...đã sớm

để chị em phải chia tay với nghề nghiệp, sớm lâm vào cảnh khốn khó, sớm phải mang những căn bệnh nghề nghiệp trầm kha.

Qua đó thấy được, không phải đến bây giờ mà từ lâu công tác bảo hiểm lao động đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, đã có khá nhiều nghị quyết, thông tư, chỉ thị quy định và đơn đốc thực hiện song kết quả đạt được còn rất hạn chế. Một trong những nguyên nhân, theo chúng tôi là, ý thức coi thường pháp luật, vi phạm các thể lệ chế độ ở các cấp, các ngành, địa phương, cơ sở và bản thân người lao động còn rất nặng nề.